TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÂN HIỆU QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự do- Hạnh phúc

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN NGÀY 04.01.2020

TT	Đăng ký	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm LT	Điểm win +word	Điểm Excel	Điểm Power point	Điểm TB Thực hành	Kết quả	Xếp loại
1	KT	18000325	Nguyễn Thị Thu	An	26/06/2000	Quảng Ngãi	5	5	6	5	5.4	5.3	Đạt
2	KT	18000685	Chu Việt	An	27/09/2000	Bình Thuận	6	4.5	5	7	5.2	5.4	Đạt
3	KT	19000685	Nguyễn Quốc	Anh	02/05/2001	Đăk Lăk	6.5	4.5	4.5	4.5	5.0	5.5	Đạt
4	KT	19001665	Trần Thị Ngọc	Ánh	01/04/2001	Quảng Ngãi	4.5	5	2.5	2	3.4	3.7	Không đạt
5	KT	16000695	Trần Nguyên	Bách	20/02/1998	Đăk Lăk	4	5.5	3	0	3.4	3.6	Không đạt
6	KT	16000405	Trần Thanh	Bình	18/05/1997	Quảng Nam	5	5	5	5	5.0	5.0	Đạt
7	KT	18001035	Phạm Thị Trúc	Chi	12/06/2000	Bình Định	4	1	3	5	2.6	3.0	Không đạt
8	KT	18001945	Nguyễn Hữu	Chương	07/07/1982	Quảng Ngãi	7.5	5	6	4.5	5.3	6.0	Đạt
9	KT	19000865	Nguyễn Cao	Dân	20/08/2001		3.5	3	3	0	2.4	2.7	Không đạt
10	KT	19001815	Đinh Tấn	Đặng	27/04/2001	Quảng Ngãi	4	5	3	2	3.6	3.7	Không đạt
11	KT	18001455	Nguyễn Thị Thanh	Diệu	14/03/2000	Quảng Ngãi	7	5.5	6	7	6.0	6.3	Đạt
12	KT	19001735	Lê Hồng	Dung	10/12/2001	Quảng Ngãi	3	3	2	2	2.4	2.6	Không đạt
13	KT	19001075	Võ Tiến	Dũng	10/01/2001	Gia Lai	5	9	5.5	7	7.2	6.5	Đạt
14	KT	19000515	Nguyễn Minh	Duy	09/01/2001	Khánh Hòa	4.5	6.5	3.5	2	4.4	4.4	Không đạt
15	KT	19001175	Nguyễn Quốc	Duy	22/11/2001	Quảng Ngãi	4.5	4	2	2	2.8	3.3	Không đạt
16	KT	18001785	Tạ Đình	Đạt	01/03/1993	Quảng Ngãi	5.5	6	7	7	6.6	6.3	Đạt
17	KT	18001115	Trương Huy	Đạt	02/09/2000	Đăk Lăk	7.5	5	6	6	5.6	6.2	Đạt
18	KT	19001795	Ngô Minh Thành	Đạt	03/02/2001	Quảng Nam	5.5	6	6.5	7.5	6.5	6.2	Đạt
19	KT	18001775	Bùi Văn	Đạt	02/02/1991	Bình Định	6	5	5	5	5.0	5.3	Đạt
20	KT	19001345	Huỳnh Kim	Đô	10/11/1998	Quảng Ngãi	2.5	0	0	0	0.0	0.8	Không đạt
21	KT	17001445	Nguyễn Thị Kim	Đông	01/05/1999	Quảng Nam	3.5	1	0	5	1.4	2.0	Không đạt
22	KT	19000835	Dương Anh	Hào	11/03/2001	Phú Yên.	5	4	5	6	5.0	5.0	Đạt
23	KT	18000585	Trần Quang	Hậu	19/11/2000	Quảng Ngãi	6	5	6	6	5.6	5.7	Đạt
24	KT	18001835	Nguyễn Anh	Hiền	26/09/1989	Nghệ An	5	5	5.5	4.5	5.1	5.1	Đạt
25	KT	18001865	Phan Đức	Hiếu	16/03/1986	Nghệ An	7	5	6.5	6	5.8	6.2	Đạt
26	KT	17001495	Nguyễn Tấn	Hoàng	21/08/1997	Quảng Ngãi	5	5	6	6	5.6	5.4	Đạt
27	KT	18001215	Phạm Việt	Hùng	14/04/1984	Quảng Ngãi	7	6	8.5	6	7.0	7.0	Đạt
28	KT	18001565	Nguyễn Đức	Huy	27/08/2000	Quảng Ngãi	7.5	7	8	6	7.2	7.3	Đạt
29	KT	18000595	Trần Thị Thu	Hương	19/05/2000	Quảng Ngãi	5.5	6	7	5	6.2	6.0	Đạt
30	KT	19001775	Phan Thị Lan	Hương	16/09/2001	Quảng Nam	5.5	5.5	8	6	6.6	6.3	Đạt
31	KT	18001875	Nguyễn Văn	Hữu	10/09/1981	Nghệ An	6.5	5	7	5	5.8	6.0	Đạt
32	KT	18000345	Nguyễn Trọng	Khôi	16/04/2000	Đăk Lăk	7	6	3.5	6	5.0	5.6	Đạt
33	KT	18001905	Nguyễn Thị Kim	Kiều	06/06/1982	Quảng Ngãi	6	5	1	7.5	3.9	4.5	Không đạt

TT	Đăng ký	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm LT	Điểm win +word	Điểm Excel	Điểm Power point	Điểm TB Thực hành	Kết quả	Xếp loại
34	KT	18001925	Phùng Thanh	Lam	20/12/1984	Quảng Ngãi	5	5	7	5.5	5.9	5.6	Đạt
35	KT	19001805	Nguyễn Thanh	Lịch	15/08/2001	Quảng Nam	4	3	1	2	2.0	2.6	Không đạt
36	KT	18000975	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	25/03/2000	Bình Định	5	6	7.5	5	6.4	6.0	Đạt
37	KT	18001365	Phan Thị Mỹ	Lệ	30/08/1999	Quảng Ngãi	7	7	6	6	6.4	6.6	Đạt
38	KT	19001565	Huỳnh Văn	Lộc	12/03/2001	Quảng Ngãi	5	5	6.5	7	6.0	5.7	Đạt
39	KT	18001895	Thái	Lực	15/02/1985	Hà Tĩnh	7	0.5	0	5	1.2	2.9	Không đạt
40	KT	17001515	Nguyễn Thị Trúc	Ly	08/11/1999	Quảng Nam	3	5	1	1	2.6	2.7	Không đạt
41	KT	19000305	Nguyễn Thanh	Ngà	30/07/2001	Quảng Ngãi	6.5	6.5	8	6	6.0	6.2	Đạt
42	KT	18000495	Lê Thị Mỹ	Nhung	09/02/1999	Quảng Ngãi	6.5	5.5	7	6	6.2	6.3	Đạt
43	KT	19001785	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	14/10/2001	Quảng Ngãi	5	7	7	7	7.0	6.4	Đạt
44	KT	19000795	Đào Hoàng Minh	Nghĩa	04/01/2001	Bình Thuận	6.5	7	7	6	6.8	6.7	Đạt
45	KT	18000835	Bùi Thanh	Phong	03/02/2019	Thanh Hóa	6	6	8	6	6.8	6.6	Đạt
46	KT	18001165	Nguyễn Thành	Phong	25/06/2000	Bình Định	5	4	8	6	6.0	5.7	Đạt
47	KT	18001325	Nguyễn Thuận	Phong	23/09/1993	Quảng Ngãi	6.5	6	8.5	6	7.0	6.9	Đạt
48	KT	19001365	Dương Văn	Phương	26/05/2001	Quảng Ngãi					0.0	0.0	Không đạt
49	KT	19000595	Nguyễn Nhật	Quang	16/12/2001	Phú Yên	4	3	0	2	1.6	2.3	Không đạt
50	KT	16000675	Chế Thị	Quý	17/03/1998	Quảng Ngãi	5.5	6	7	5	6.2	6.0	Đạt
51	KT	16000565	Nguyễn Dương Đức	Sang	28/08/1998	Bình Định	6	6.5	9	6	7.4	7.0	Đạt
52	KT	18000285	Hồ Văn	Sinh	22/09/2000	Bình Định	4	3	0	2	1.6	2.3	Không đạt
53	KT	18001285	Trương Văn	Sơn	27/03/1996	Quảng Ngãi	5	6	6.5	6	6.2	5.8	Đạt
54	KT	18001955	Nguyễn Quốc	Thạch	12/10/1991	Quảng Ngãi	6	6	8.5	7.5	7.3	6.9	Đạt
55	KT	18000695	Bùi Thị Hồng	Thắm	20/10/2000	Quảng Ngãi					0.0	0.0	Không đạt
56	KT	19001505	Trần Châu	Thanh	04/06/2000	Quảng Ngãi	4	3	5	6	4.4	4.3	Không đạt
57	KT	18001255	Phạm Tấn	Thành	10/01/1990	Quảng Ngãi	8	6	5	6	5.6	6.3	Đạt
58	KT	19000715	Võ Đức	Thắng	28/09/2001	Quảng Ngãi	5.5	4	4	3	3.8	4.3	Không đạt
59	KT	18000675	Nguyễn Thị	Thêm	28/04/2000	Quảng Ngãi	6.5	5.5	5	6	5.4	5.7	Đạt
60	KT	19001495	Nguyễn Đình	Thiện	16/11/2001	Gia Lai	5.5	7	7.5	5.5	6.9	6.5	Đạt
61	KT	19000975	Trần Văn	Thiện	19/05/2001	Bình Định	5	6	4	5	5.0	5.0	Đạt
62	KT	18001305	Nguyễn Văn	Thịnh	30/05/1986	Quảng Ngãi	6	5.5	6.5	5	5.8	5.9	Đạt
63	KT	HV0000857	Võ Thị	Thọ	14/09/1989	Quảng Ngãi	6	9	9.5	8.5	9.1	8.2	Đạt
64	KT	19000495	Nguyễn Thị Minh	Thu	21/01/2000	Quảng Ngãi	3.5	4	3	1	3.0	3.2	Không đạt
65	KT	18000465	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	19/12/1999	Quảng Ngãi	7	5	9	5	6.6	6.7	Đạt
66	KT	19000545	Lê Văn	Thực	23/04/2001	Quảng Ngãi	5.5	5.5	4.5	5	5.0	5.2	Đạt
67	KT	19000915	Trần Thị Hà	Tiên	19/07/2001	Quảng Nam	5.5	2	3	5.5	3.1	3.8	Không đạt
68	KT	19000225	Võ Anh	Tiến	18/04/2001	Quảng Ngãi	6	5.5	6.5	5	5.8	5.9	Đạt
69	KT	18001425	Bùi Tiến	Toàn	06/10/1999	Quảng Ngãi	4	5	1	1	2.6	3.0	Không đạt
70	KT	19000675	Mai Văn	Toàn	27/01/2001	Đăk Lăk	4.5	3	1	0	1.6	2.5	Không đạt
71	KT	18000725	Lê Nho Hoàng	Trí	17/06/2000	Quảng Nam	5.5	6	7	5	6.2	6.0	Đạt

ẠI HỌC CÔNG N
HÍ MINH
HIỆU QUẢNG

TT	Đăng ký	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm LT	Điểm win +word	Điểm Excel	Điểm Power point	Điểm TB Thực hành	Kết quả	Xếp loại
72	KT	19001105	Trần Quang	Trí	18/01/2001	Quảng Ngãi	4	0.5	5.5	1	**2.6**	**3.0**	Không đạt
73	KT	19001305	Nguyễn Thanh	Trí	16/04/2001	Quảng Ngãi	**5**	5	6	5	**5.4**	**5.3**	Đạt
74	KT	18000475	Lê Thị Tuyết	Trinh	20/08/2000	Quảng Ngãi	5	5	6	4.5	**5.3**	**5.2**	Đạt
75	KT	19000435	Nguyễn Minh	Trọn	30/09/2001	Quảng Ngãi	5.5	5.5	6.5	7	**6.2**	**6.0**	Đạt
76	KT	19000575	Đào Đức	Trọng	11/07/2001	Phú Yên	4.5	5	0	4	**2.8**	**3.3**	Không đạt
77	KT	18000885	Lý Như	Trung	02/07/2000	Quảng Ngãi	6.5	6	4.5	6	**5.4**	**5.7**	Đạt
78	KT	18000605	Hà Công	Trường	10/04/2000	Kon Tum	4	5.5	1.5	1.5	**3.1**	**3.4**	Không đạt
79	KT	18001555	Lê Văn	Truyền	23/03/2000	Khánh Hòa	4	3	0	0	**1.2**	**2.0**	Không đạt
80	KT	18001805	Nguyễn	Tường	17/04/1985	Quảng Ngãi	8	8	7	5.5	**7.1**	**7.4**	Đạt
81	KT	18000305	Đặng Thị	Tuyết	13/03/2000	Quảng Ngãi	7	5	5	5	**5.0**	**5.6**	Đạt
82	KT	18001135	Nguyễn Tường	Vi	12/06/2000	Quảng Ngãi	7.5	6.5	6.5	5	**6.2**	**6.6**	Đạt
83	KT	18000635	Nguyễn Thanh	Vĩ	08/08/2000	Quảng Ngãi	2	4	0	0	**1.6**	**1.7**	Không đạt
84	KT	18001065	Lê Tấn	Việt	23/11/2000	Quảng Nam	6	5	7.5	5	**6.0**	**6.0**	Đạt
85	KT	19001455	Nguyễn Thái	Việt	22/11/2001	Quảng Ngãi	4	4	1	0	**2.0**	**2.6**	Không đạt
86	KT	19001255	Trần Văn Hoàng	Vinh	27/12/2001	Quảng Ngãi	7.5	5	5	5	**5.0**	**5.8**	Đạt
87	KT	18000385	Nguyễn Văn	Vinh	14/06/2000	Quảng Ngãi	7	5.5	5.5	5	**5.4**	**5.9**	Đạt
88	KT	18001795	Nguyễn Anh	Vũ	20/08/1983	Quảng Ngãi	7.5	7.5	5.5	5	**6.2**	**6.6**	Đạt
89	KT	19000615	Nguyễn Trường	Vũ	02/08/2001	Bình Định	7	5	0	5	**3.0**	**4.2**	Không đạt
90	KT	18000955	Văn Thị Mỹ	Vương	12/03/2000	Bình Định	6	5.5	6	5.5	**5.7**	**5.8**	Đạt
91	KT	19001695	Lê Nguyễn Hoàng	Vy	24/10/2001	Lâm Đồng	7.5	4.5	8	4	**5.8**	**6.3**	Đạt
92	KT	18000945	Trần Thị Ngọc	Vy	06/11/2000	Quảng Ngãi	5	5	8.5	4.5	**6.3**	**5.9**	Đạt
93	KT	18001155	Nguyễn Phan Tường	Vy	26/07/2000	Gia Lai	7	4.5	5.5	6	**5.2**	**5.7**	Đạt
94	KT	19000375	Nguyễn Tấn	Ý	30/01/2001	Quảng Ngãi	4	0.5	0	0	**0.2**	**1.3**	Không đạt
95	KT	18000665	Tiêu Thị Kim	Yến	14/10/2000	Quảng Ngãi	6.5	5	6	5	**5.4**	**5.7**	Đạt

TT	LOẠI	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ
1	Đạt	63	66%
2	Không đạt	32	34%
TỔNG		95	100%

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 01 năm 2020

Người lập

Trần Văn Âu

PHÓ GIÁM ĐỐC PHÂN HIỆU

Phạm Việt Hùng

GHÉP NGÃI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÂN HIỆU QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự do- Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT VỚT ĐIỂM THI MÔN LÝ THUYẾT CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN LẦN 2 NGÀY THI 11/01/2020 (ĐỢT THI NGÀY 04/01/2020)

TT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Lý thuyết		Thực hành			TB điểm TH	Tổng kết		Xếp loại
								Win-word	Excel	P.point		Lý thuyết	Thực hành	
						Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 1	Lần 1		Xét vớt	Lần 1	
1	17001495	Nguyễn Tấn	Hoàng	21/08/1997	Quảng Ngãi	4.5		5	6	6	5.6	**5.0**	**5.6**	Đạt
2	18001165	Nguyễn Thành	Phong	25/06/2000	Bình Định	4.5		4	8	6	6	**5.0**	**6.0**	Đạt
3	19001305	Nguyễn Thanh	Trí	16/04/2001	Quảng Ngãi	4	4.5	5	6	5	5.4	**5.0**	**5.4**	Đạt

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 01 năm 2020

Người lập

Trần Văn Âu

PHÓ GIÁM ĐỐC PHÂN HIỆU

Phạm Việt Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÂN HIỆU QUẢNG NGÃI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP
TP. HỒ CHÍ MINH
PHÂN HIỆU QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập- Tự do- Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT VỚT ĐIỂM THI MÔN THỰC HÀNH CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN LẦN 2 NGÀY THI 11/01/2020 (ĐỢT THI NGÀY 04/01/2020)

TT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Lý thuyết		Thực hành			TB điểm TH	Tổng kết		Xếp loại
								Win-word	Excel	P.point		Lý thuyết	Thực hành	
						Lần 1	Lần 2	Lần 2	Lần 2	Lần 2		Lần 1	Xét vớt	
1	19000685	Nguyễn Quốc	Anh	02/05/2001	Đăk Lăk	6.5		4.5	4.5	4.5	**4.5**	**6.5**	**5.0**	Đạt
2	19000835	Dương Anh	Hào	11/03/2001	Phú Yên.	5		4	5	6	**4.8**	**5.0**	**5.0**	Đạt

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 01 năm 2020

Người lập

Trần Văn Âu

PHÓ GIÁM ĐỐC PHÂN HIỆU

Phạm Việt Hùng